TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2019/HNGĐ-PT
Ngày: 06/6/2019
V/v: "Tranh chấp chia tài sản chung sau ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Quốc Thành.

Các Thẩm phán: Ông Dương Xuân Tuấn;
Bà Lê Thị Dung.

- *Thư ký phiên toà*: Bà Đỗ Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà*:

Bà Cù Thị Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thanh Hóa, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 35/2018/TLPT-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2018 về "Tranh chấp chia tài sản chung sau ly hôn".

Do Bản án sơ thẩm số 79/2018/HNGĐ-ST ngày 24/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2018/QĐ- PT ngày 14 tháng 8 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2018/QĐ-PT ngày 30/8/2018; Quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án số 02/2018/QĐ-PT ngày 28/9/2018; Quyết định tiếp tục giải quyết vụ án dân sự số 01/2019/QĐ-PTDS ngày 10/01/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2019/QĐ-PT ngày 29/01/2019; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 03/2019/QĐ-PT ngày 28/02/2019; Quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 01/2019/QĐ-PT ngày 28/3/2019 và Quyết định tiếp tục giải quyết vụ án số 02/2019/QĐ-PT ngày 27/5/2019.

Giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Thiều Quang T, Sinh năm: 1974.

Trú tại: Thôn 4, xã Y, huyện Yên Định, Thanh Hóa.

- *Bị đơn:* Chị Phạm Thị TH, Sinh năm: 1975.

Trú tại: Thôn 4, xã Y, huyện Yên Định, Thanh Hóa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Thiều Thị Tính, sinh năm 1942.

Trú tại: Thôn 4, xã Y, huyện Yên Định, Thanh Hóa.

* Người kháng cáo: Nguyên đơn anh Thiều Quang T, bị đơn chị Phạm Thị TH và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Bà Thiều Thị Tính (Có mặt).

* Viện kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn là anh Thiều Quang T trình bày:

Anh và chị Phạm Thị TH kết hôn với nhau ngày 10/12/1995 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã Yên Giang, huyện Yên Định, Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được 10 năm sau đó phát sinh mâu thuẫn, sau khi được gia đình nội ngoại hòa giải, khuyên can thì vợ chồng đã trở lại chung sống bình thường, nhưng chỉ được mấy năm sau vợ chồng lại phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không có sự thông cảm, chia sẻ với nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt và được Tòa án nhân dân (TAND) huyện Yên Định giải quyết cho ly hôn và giải quyết về việc nuôi con chung và phân chia tài sản chung.

Sau xét xử sơ thẩm, anh T đã kháng cáo bản án sơ thẩm. Tại bản án phúc thẩm số 26/2017/HNGĐ-PT ngày 24/7/2017 của TAND tỉnh Thanh Hóa đã giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với phần hôn nhân và con chung, hủy phần tài sản.

Quá trình giải quyết lại, anh T đề nghị TAND huyện Yên Định phân chia lại số tài sản chung vợ chồng theo quy định của pháp luật gồm những tài sản sau: Một thửa đất có diện tích 210m^2; một nhà mái bằng, 01 bếp lợp Broximang; 01 nhà vệ sinh; nhà kho, bán bình, bái đua; nhà lợp tôn; bộ máy vi tính; két sắt; bộ ghế salong; bộ amply; máy phát điện; máy cắt chìa khóa; một bộ cắt tóc; một xe máy Honda Air Blade; 01 máy giặt; 01 máy lọc nước; 01 điều hòa; 01 bồn nước; 01 bếp ga; 01 tủ nhôm kính; 01 xe máy Honda Dream.

Trong thời gian vợ chồng mâu thuẫn anh T có vay của ông Trần Phúc Khánh ở Y, Yên Định, Thanh Hóa số tiền 100.000.000đ để xây tường gạch ngăn đôi ngôi nhà và sửa chữa nhà. Mua máy điều hòa, bếp ga, tủ lạnh, tivi nên anh cho rằng số tài sản mua sắm thêm là tài sản riêng, không phải tài sản chung vợ chồng.

Đối với 85m^2 đất ở do ông Thiều Đức Huấn tặng cho nhưng chưa làm thủ tục sang tên, anh T cho rằng đây là tài sản riêng của anh.

Theo bị đơn là chị Phạm Thị TH đã trình bày:

Chị và anh Thiều Quang T kết hôn với nhau ngày 10/12/1995 như anh T trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, đến năm 2013 vợ chồng mới phát sinh mâu thuẫn do anh T ngoại tình với người phụ nữ khác, mặc dù chị đã tha thứ, níu kéo để cùng chăm lo nuôi dạy con cái nhưng anh T không đồng ý.

Tại bản án HNGĐ sơ thẩm số 162/2016/HNGĐ-ST ngày 28/12/2016 của TAND huyện Yên Định đã xử cho chị TH và anh T ly hôn với nhau, giải quyết việc nuôi con chung sau ly hôn và phân chia tài sản chung. Do anh T và bà Tính kháng cáo bản án sơ thẩm nên TAND tỉnh Thanh Hóa đã xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm về việc ly hôn và nuôi con chung sau khi ly hôn, hủy phần tài sản của bản án sơ thẩm.

TAND huyện Yên Định thụ lý giải quyết lại phần tài sản, chị yêu cầu phân chia tài sản chung theo quy định của pháp luật gồm:

210m^2 đất ở đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; 85m^2 đất ở nhận chuyển nhượng từ ông Thiều Đức Huấn chưa làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; 01 nhà mái bằng; 01 bếp lợp Broximang; 01 nhà vệ sinh; nhà kho; 01 bộ máy vi tính; 01 két sắt; 01 bộ bàn ghế sa lông; 01 bộ amply; 01 máy phát điện; 01 máy cắt chìa khóa; 01 bộ cắt tóc; 01 xe máy Honda Air Blade; 01 máy giặt; 01 máy lọc nước; 01 điều hòa; 01 bồn nước; 01 bếp ga 01 bộ tủ nhôm kính; 01 xe máy Honda Dream; 01 tivi và số tiền mặt 150.000.000đ anh T đang quản lý.

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan là bà Thiều Thị Tính trình bày:

Từ khi anh T và chị TH kết hôn, bà vẫn chung sống cùng vợ chồng anh T. Đến năm 2001 vợ chồng anh T có mua đất làm nhà, bà Tính đã bán mảnh đất ở của bà được 8.000.000đ và bán đất thầu được 6.000.000đ, tổng cộng là 14.000.000đ cho vợ chồng anh T mua nhà với giá tiền 40.000.000đ. Trong suốt thời gian sống chung với vợ chồng anh T chị TH, bà Tính đã có đóng góp công sức tôn tạo nên khối tài sản chung của vợ chồng. Nay vợ chồng anh T chị TH ly hôn, bà yêu cầu vợ chồng anh T chị TH phải có trách nhiệm trích công sức đóng góp cho bà và bà đề nghị Tòa án chia cho bà một phần đất của vợ chồng để bà có thể làm nhà để ở vì hiện nay bà không có đất ở.

Tại bản án sơ thẩm số 79/2018/HNGĐ-ST ngày 24/5/2018 của TAND dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa đã căn cứ: Điều 33; Điều 59; Điều 61; Điều 62 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 213; Điều 219 Bộ luật Dân sự 2015; điểm b khoản 1 điều 24; khoản 7 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1.1. Xác định giá trị tài sản chung của anh Thiều Quang T và chị Phạm Thị TH là 564.760.000đ gồm các tài sản cụ thể sau:

01 nhà mái bằng diện tích 69,4m^2, giá 40.000.000đ; 01 bếp mái lợp Blu-xi măng diện tích 16m^2, giá 3.700.000đ; Nhà vệ sinh, mái lợp Blu-xi măng, diện tích 6,22m^2, giá 2.300.000đ; 01 nhà kho xây tường gạch vồ, mái lợp tôn, diện tích 13m^2, giá 2.450.000đ; Bán bình xây tường, lợp tôn diện tích 47m^2, giá 24.000.000đ; Mái đua lợp tôn diện tích 29,6m^2, giá 2.360.000đ; Nhà xây tường, lợp tôn, diện tích 20,7m^2, giá 24.800.000đ; Bộ máy vi tính, giá 1.500.000đ; Két sắt giá 500.000đ; Bộ bàn ghế Sa-lông-nan giá 1.500.000đ; 01 tủ lạnh Deawoo, giá 1.300.000đ; 01 tủ lạnh LG giá 2.000.000đ; 01 máy giặt Toshiba, giá 3.600.000đ; 01 máy lọc nước giá 1.200.000đ; 01 máy điều hòa LG giá 5.500.000đ; 01 Bộ amply và loa, giá 800.000đ; 01 máy phát điện chạy dầu giá 4.500.000đ; 01 Bồn nước Inox 1000l + máy bơm nước, giá 1.500.000đ; 01 Máy cắt chìa khóa, giá 300.000đ; 01 Bộ cắt tóc kèm ghế, gương, giá 400.000đ; 01 Bếp ga liên doanh giá 200.000đ; 01 xe máy Air Blade giá 15.000.000đ; 01 xe máy Dream giá 700.000đ; 01 tủ nhôm kinh giá 300.000đ, 24m^2 tường gạch vồ phân chia hai phần ngôi nhà trị giá 2.500.000đ; phòng khách, lợp tôn xốp, diện tích 17m^2, giá 30.000.000đ; phòng ngủ lợp tôn, diện tích 9m^2, giá 16.000.000đ; nhà vệ sinh, lợp tôn, diện tích 6,75m^2, giá 7.500.000đ; bếp vách bằng tôn, mái

lợp tôn xốp, diện tích 10m^2, giá 3.500.000đ; 01 máy điều hòa Samsung, giá 8.500.000đ; 01 Bếp ga, giá 350.000đ; 01 tủ lạnh Aqua, giá 3.500.000đ; 01 Tivi Sony 40 inch, giá 7.500.000đ; số tiền nợ của chị Thiều Thị Hồng là 50.000.000đ; thửa đất thửa số 729, tờ bản đồ số 7 thuộc xã Y, huyện Yên Định, Thanh Hóa diện tích 210m^2, giá 210.000.000đ.

1.2. Xác định phần công sức đóng góp của bà Thiều Thị Tính trong khối tài sản chung của anh T và chị TH là 80.000.000đ.

1.3. Phân chia tài sản chung cụ thể như sau:

- Chia cho chị Phạm Thị TH 270.505.000đ (Hai trăm bảy mươi triệu năm trăm linh năm nghìn đồng) trong khối tài sản chung, giao chị Phạm Thị TH số tài sản bằng hiện vật cụ thể như sau: Quyền sử dụng 126,24m^2 đất ở trị giá 126.240.000đ có các chiều cụ thể như sau: Phía Bắc giáp ao nhà ông Lượng dài 4,8m; phía đông giáp nhà ông Khánh dài 26,3m; phía nam giáp đường liên xã dài 4,8m; phía Tây giáp phần đất của anh Thiều Quang T dài 26,3m;

Và sở hữu số tài sản gồm: Các tài sản là công trình xây dựng nằm trên phần đất được chia gồm: 20,5m^2 bán bình trị giá 10.500.000đ; 12,7m^2 mái đua lợp tôn trị giá 1.015.000đ; một gian nhà mái bằng trị giá 27.000.000đ; 01 Bếp trị giá 3.700.000đ; 01 nhà vệ sinh trị giá 2.300.000đ; 01 nhà kho trị giá 2.450.000đ; 01 Tủ lạnh LG trị giá 2.000.000đ; 01 Tủ lạnh Deawoo trị giá 1.300.000đ; 01 Máy giặt Toshiba trị giá 3.600.000đ; 01 Điều hòa LG trị giá 5.500.000đ; 01 máy lọc nước trị giá 1.200.000đ; 03 quạt điện không định giá; 01 Téc nước 1000 lít + 01 máy bơm nước trị giá 1.500.000đ; 01 Bếp ga liên doanh trị giá 200.000đ; 01 xe máy Dream trị giá 700.000đ; máy phát điện trị giá 4.500.000đ; 01 Tủ nhôm kính trị giá 300.000đ, 01 Bức tường ngăn xây gạch vồ trị giá 2.500.000đ; số tiền lấy nợ của chị Thiều Thị Hồng là 50.000.000đ. Tổng số tài sản bằng hiện vật là: 246.505.000đ (Hai trăm bốn sáu triệu năm trăm linh năm nghìn đồng).

Chị TH được nhận 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) tiền giá trị thửa đất nhận chuyển nhượng của ông Thiều Đức Huấn từ anh T giao lại. Tổng giá trị là 286.505.000đ (Hai trăm tám sáu triệu năm trăm linh năm nghìn đồng).

Tuy nhiên chị Phạm Thị TH phải trả lại anh Thiều Quang T 16.000.000đ tiền chênh lệch về tài sản, vì vậy chị TH chỉ được nhận số tài sản bằng hiện vật và số tiền 24.000.000đ từ anh T giao lại. Nhưng phải trả cho bà Thiều Thị Tính số tiền công sức đóng góp trong khối tài sản chung là 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng).

- Chia cho anh Thiều Quang T 294.255.000đ (Hai trăm chín mươi tư triệu hai trăm năm lăm nghìn đồng) trong khối tài sản chung, giao anh Thiều Quang T số tài sản bằng hiện vật cụ thể như sau: Quyền sử dụng 83,76m^2 đất ở trị giá 83.760.000đ có các chiều cụ thể như sau: Phía Bắc giáp ao nhà ông Lượng dài 3,2m; phía Đông giáp phần đất của chị TH dài 26,3m; phía Nam giáp đường liên xã dài 3,2m; phía Tây giáp phần đất nhận chuyển nhượng của ông Thiều Đức Huấn dài 26,3m. Tạm giao diện tích đất nhận chuyển nhượng của ông Thiều Đức Huấn là 85m^2 cho anh Thiều Quang T.

Và anh Thiều Quang T được sở hữu số tài sản gồm: Các công trình xây dựng nằm trên phần đất được chia và phần đất nhận chuyển nhượng của ông

Thiều Đức Huấn cụ thể gồm: 26,5m^2 bán bình lợp tôn trị giá 13.500.000đ; 16,9m^2 mái đua lợp tôn trị giá 1.345.000đ; Gian nhà mái bằng trị giá 13.000.000đ; nhà lợp tôn trị giá 24.800.000đ; phòng khách trị giá 30.000.000đ; 01 Tivi Sony 40 inch, giá 7.500.000đ; Bếp trị giá 3.500.000đ; Phòng ngủ trị giá 16.000.000đ; Nhà vệ sinh trị giá 7.500.000đ; Sa-lông-nan trị giá 1.500.000đ; Tủ lạnh Aqua trị giá 3.500.000đ; Điều hòa Samsung trị giá 8.500.000đ; Amply + Loa trị giá 800.000đ; 3 quạt điện không định giá; Máy cắt chìa khóa trị giá 300.000đ; Bộ cắt tóc trị giá 400.000đ; 01 Bếp ga liên doanh trị giá 350.000đ; 01 xe máy Air Blade trị giá 15.000.000đ; 01 Bộ máy vi tính trị giá 1.500.000đ; 01 Két sắt trị giá 500.000đ và 85.000.000đ giá trị thửa đất nhận chuyển nhượng của ông Thiều Đức Huấn. Tổng giá trị tài sản bằng hiện vật anh T được nhận là: 318.255.000đ.

Nhưng anh Thiều Quang T phải giao lại cho chị Phạm Thị TH số tiền 24.000.000đ và tiền công sức đóng góp cho bà Thiều Thị Tính là 40.000.000đ.

- Chia cho bà Thiều Thị Tính số tiền công sức đóng góp trong khối tài sản chung là 80.000.000đ trong đó được nhận từ anh Thiều Quang T 40.000.000đ và chị Phạm Thị TH số tiền 40.000.000đ.

Các bên đương sự có trách nhiệm đến các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với phần đất được chia, anh Thiều Quang T phải có trách nhiệm hoàn tất thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với phần đất nhận chuyển nhượng của ông Thiều Đức Huấn.

Ngoài ra án sơ thẩm còn quyết định về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự khác trong vụ án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04 và 05/6/2018 anh Thiều Quang T là nguyên đơn, chị Phạm Thị TH là bị đơn và bà Phạm Thị Tính là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn kháng cáo cụ thể: Nguyên đơn kháng cáo đề nghị chia lại đất và một số tài sản khác trong vụ án, bị đơn kháng cáo đề nghị chia lại tài sản là hiện vật, tiền trích công sức và án phí; người có quyền lợi liên quan đề nghị trích lại phần công sức.

Ngày 06/6/2018 Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) huyện Yên Định có Quyết định kháng nghị số 01/QĐKNPT-DS đề nghị cấp phúc thẩm xác định và chia lại diện tích đất và các tài sản gắn liền trên đất, xác định lại khối tài sản chung của vợ chồng và chia đồng đều cho hai bên và xác định lại án phí theo khối tài sản.

* Tại phiên toà phúc thẩm: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện, người kháng cáo (anh T, chị TH) thỏa thuận rút một phần kháng cáo đối với các tài sản phần nổi, các hiện vật mà cấp sơ thẩm đã tuyên. Giữ nguyên kháng cáo về phân chia đất, quyền sử dụng đất và án phí, đề nghị xét xử theo quy định của pháp luật. Cũng tại phiên tòa, đại diện VKSND tỉnh Thanh Hóa thay đổi nội dung kháng nghị của VKSND huyện Yên Định theo hướng sửa bản án sơ thẩm.

* Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá:

- Việc tuân theo pháp: Thẩm phán đã chấp hành theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa Hội đồng xét

xử (HĐXX), thư ký đã thực hiện theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS) về phiên tòa phúc thẩm. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, các đương sự đã thực hiện theo các quy định BLTTDS.

- Về giải quyết vụ án: Đại diện VKSND tỉnh thay đổi, bổ sung kháng nghị: Căn cứ Điều 5, Điều 300, khoản 2 Điều 308 BLTTDS sửa bản án sơ thẩm số 79/2018/HNGĐ-ST ngày 24/5/2018 của TAND huyện Yên Định theo hướng công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc không yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết về các tài sản khác, chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản là quyền sử dụng đất tại thửa số 729, quyền sử dụng đất diện tích 85m^2 vợ chồng nhận chuyển nhượng của ông Huấn. Giữ nguyên việc chia quyền sử dụng đất cho anh Thiều Quang T và chị Phạm Thị TH như cấp sơ thẩm. Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Thiều Thị Tính vì bà Tính là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn án phí quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tính hợp pháp của kháng cáo và Quyết định kháng nghị*:

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04/6/2018 anh T là nguyên đơn có đơn kháng cáo, ngày 05/6/2018 chị TH là bị đơn và bà Tính là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án cũng có đơn kháng cáo. Các đương sự nộp đơn kháng cáo và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo đúng quy định. Kháng cáo của chị TH, anh T và bà Tính và Quyết định kháng nghị của VKSND huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa ban hành trong thời gian luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] *Xét kháng nghị của Viện kiểm sát*:

Tại phiên tòa phúc thẩm VKSND tỉnh Thanh Hóa nhận định kháng nghị của VKS huyện Yên Định là có căn cứ. Tuy nhiên, quá trình giải quyết tại cấp phúc thẩm ngày 19/10/2018 anh Thiều Quang T và chị Phạm Thị TH đã lập biên bản thỏa thuận về việc không yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết về các tài sản khác, chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản là quyền sử dụng đất tại thửa số 729, quyền sử dụng đất diện tích 85m^2 vợ chồng nhận chuyển nhượng của ông Huấn. Dó đó, đại diện VKSND tỉnh Thanh Hóa thay đổi, bổ sung nội dung kháng nghị của VKS huyện Yên Định: Căn cứ Điều 5, Điều 300, khoản 2 Điều 308 BLTTDS, sửa bản án sơ thẩm theo hướng công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc không yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết về các tài sản khác, chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản là quyền sử dụng đất tại thửa số 729, quyền sử dụng đất diện tích 85m^2 vợ chồng nhận chuyển nhượng của ông Huấn. Giữ nguyên việc chia quyền sử dụng đất cho anh Thiều Quang T và chị Phạm Thị TH như cấp sơ thẩm. Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Thiều Thị Tính vì bà Tính là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn án phí quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVH14, ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

HĐXX nhận thấy việc thay đổi, bổ sung kháng nghị của VKSND tỉnh Thanh Hóa là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[3] *Xét kháng cáo của anh Thiều Quang T:*

Về tài sản là hiện vật: Quá trình giải quyết tại cấp phúc thẩm, anh T đề nghị định giá lại tài sản chung của vợ chồng vì có một số tài sản bị hư hỏng do sét đánh không còn giá trị sử dụng. Tuy nhiên tại buổi định giá ngày 19/10/2018 anh T chị TH đã tự thỏa thuận: Không yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết về các tài sản khác, chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản là quyền sử dụng đất tại thửa số 729, quyền sử dụng đất diện tích 85m^2 vợ chồng nhận chuyển nhượng của ông Huấn. Tại phiên tòa phúc thẩm anh T, chị TH đề nghị công nhận sự thỏa thuận của anh T chị TH theo giấy thỏa thuận ngày 19/10/2018 và rút phần kháng cáo không yêu cầu chia các tài sản khác, giữ nguyên như cấp sơ thẩm đã chia. Anh T, chị TH chỉ yêu cầu chia lại giá trị quyền sử dụng đất tại thửa số 729, tờ bản đồ số 7 và diện tích đất 85m^2 tại thửa số 730, tờ bản đồ số 7, bản đồ địa chính xã Y, huyện Yên Định vợ chồng mua của ông Thiều Đức Huấn (Chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

Về diện tích 85m^2 tại thửa số 730, tờ bản đồ số 7, bản đồ địa chính xã Y, huyện Yên Định (đất chưa được cấp giấy CNQSD đất): Anh T cho rằng đất này là tài sản riêng của anh vì căn cứ vào hợp đồng tặng cho giữa anh và ông Thiều Đức Huấn, nhưng Tòa án lại đưa vào tài sản chung để chia là không đúng. Xét thấy ông Huấn, chị TH có lời khai diện tích đất 85m^2 tại thửa số 730, tờ bản đồ số 7, bản đồ địa chính xã Y, huyện Yên Định là ông Huấn chuyển nhượng cho vợ chồng anh T chị TH, nhưng lại xác lập hợp đồng tặng cho tài sản để nhằm mục đích không phải nộp thuế chuyển nhượng đất. Mặt khác cả anh T và chị TH đều khai vợ chồng đã nhiều lần đi làm thủ tục sang tên diện tích đất mua của ông Huấn nhưng không được vì diện tích này không nằm trong diện tích đất ông Huấn được cấp GCNQSD đất. Do đó, khẳng định lời khai diện tích đất 85m^2 tại thửa số 730, tờ bản đồ số 7, bản đồ địa chính xã Y, huyện Yên Định là do ông Huấn chuyển nhượng cho vợ chồng anh T chị TH là có cơ sở.

Đối với diện tích đất 210m^2 tại thửa số 729, tờ bản đồ số 7, bản đồ địa chính xã Y, huyện Yên Định: Anh T cho rằng đất có chiều rộng 8m, Tòa án chia cho chị TH được 4,8m, anh T được 3,2m là không công bằng. Căn cứ Biên bản thẩm định tại chỗ ngày 14/3/2017 (BL 191-192), do trên diện tích đất 210m^2 tại thửa số 729, tờ bản đồ số 7, bản đồ địa chính xã Y, huyện Yên Định đã có nhà và các công trình xây dựng trên đất, nên việc chia như Tòa án cấp sơ thẩm nhằm mục đích đảm bảo giá trị sử dụng của các công trình trên đất, khi chia cho các đương sự, không ai phải tháo dỡ công trình xây dựng. Thực tế từ khi anh T chị TH sống ly thân nhau, anh T đã xây bức tường ngăn cách để ở như hiện trạng cấp sơ thẩm đã chia. Phần chênh lệch giá trị tài sản, cấp sơ thẩm tuyên buộc chị TH phải trả cho anh T bằng tiền. Việc chia đất như cấp sơ thẩm là đảm bảo quyền và lợi ích của các đương sự, đúng quy định của pháp luật.

Tại cấp phúc thẩm anh T có đơn yêu cầu định giá lại diện tích 210m^2 tại thửa số 729, tờ bản đồ số 7, bản đồ địa chính xã Y, huyện Yên Định và 85m^2 tại thửa số 730, tờ bản đồ số 7, bản đồ địa chính xã Y, huyện Yên Định (phần vợ chồng mua của ông Thiều Đức Huấn, sát đất anh T được chia).

Ngày 24/4/2019 Hội đồng định giá đã định giá lại: Đất có giá là 1.000.000đ/ 1m^2. Như vậy giá trị đất theo biên bản định giá lại không thay đổi so với kết quả định giá của cấp sơ thẩm. Nên giữ nguyên việc chia tài sản như cấp sơ thẩm đã giải quyết.

[4] *Xét kháng cáo của chị Phạm Thị TH*:

Chị TH đề nghị chia cả phần đất mua của ông Thiều Đức Huấn cho chị để chị làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, còn chia cho anh T phần đất chị đang ở trên diện tích 210m^2 tại thửa số 729, tờ bản đồ số 7, bản đồ địa chính xã Y, huyện Yên Định. Xét thấy cấp sơ thẩm chia cho chị TH và anh T đều có đất và nhà ở tại thửa số 729 để ổn định cuộc sống cho các đương sự là hợp tình hợp lý. Do chị TH được chia nhiều đất hơn ở thửa số 729, nên chia cho anh T sử dụng diện tích mua của ông Huấn và anh T trả ½ giá trị đất bằng tiền cho chị TH là đúng quy định pháp luật. Không chấp nhận kháng cáo của chị TH.

[5] *Xét kháng cáo của bà Thiều Thị Tính*:

Bà Tính đề nghị chia đôi thửa đất 210m^2 tại thửa số 729 và chia đôi 85m2 tại thửa 730, tờ bản đồ số 7, bản đồ địa chính xã Y, huyện Yên Định cho anh T và chị TH mỗi người một nửa chiều rộng. Nội dung kháng cáo này trùng với nội dung kháng cáo của chị TH, đã được phân tích ở trên nên không chấp nhận.

Bà Tính còn đề nghị giảm tiền trích công sức của bà cho chị TH, tăng tiền trích công sức của bà cho anh T vì chị TH phải nuôi con khó khăn hơn, còn anh T là con trai không phải nuôi con. Xét thấy nguyện vọng của bà Tính có tình, có nghĩa. Tuy nhiên cấp sơ thẩm trích công sức từ khối tài sản chung vợ chồng phải chia đôi theo quy định khoản 2 Điều 59 Luật HNGĐ, khoản 2 Điều 213 BLDS là đúng quy định nên không chấp nhận kháng cáo của bà Tính.

[6] *Về án phí*: Anh T, chị TH phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm (DSST) có giá ngạch tương ứng với phần tài sản được chia và án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Miễn án phí DSST và án phí phúc thẩm cho bà Thiều Thị Tính.

Vì những lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 5, Điều 300 và khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 33; Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 2 Điều 213 Bộ luật dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận nội dung thay đổi, bổ sung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Không chấp nhận kháng cáo của anh Thiều Quang T, chị Phạm Thị TH và bà Thiều Thị Tính.

Giữ nguyên phần chia tài sản chung của bản án Dân sự sơ thẩm số 79/2018/HNGĐ-ST ngày 24/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa đối với công nợ, công trình xây dựng cũng như các tài sản khác đã chia cho anh T và chị TH.

Sửa một phần Quyết định của bản án Dân sự sơ thẩm số 79/2018/HNGĐ-ST ngày 24/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa cụ thể:

Công nhận sự thỏa thuận của anh T chị TH (Tại biên bản thỏa thuận ngày 19/10/2018 chỉ yêu cầu HĐĐG và Tòa án định giá để giải quyết về đất và quyền sử dụng đất, các tài sản khác không yêu cầu định giá và giải quyết).

Về án phí sơ thẩm: Anh Thiều Quang T phải chịu 12.712.700đ (Mười hai triệu, bảy trăm mười hai nghìn, bảy trăm đồng) tiền án phí chia tài sản có giá ngạch.

Chị Phạm Thị TH phải chịu án phí chia tài sản có giá ngạch là 11.525.200đ (Mười một triệu, năm trăm hai lăm nghìn, hai trăm đồng) nhưng được trừ vào số tiền 2.000.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị TH đã nộp theo biên lai thu tiền số: AA/2015/0003425 ngày 06/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Định. Chị TH phải nộp tiếp 9.525.200đ (Chín triệu, năm trăm hai lăm nghìn, hai trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Án phí phúc thẩm: Anh Thiều Quang T và chị Phạm Thị TH phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2014/0004258 ngày 05/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Định và chị TH đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2014/0004262 ngày 06/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Định.

- Miễn tiền án phí DSST và phúc thẩm cho bà Thiều Thị Tính. Trả lại cho bà Thiều Thị Tính số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2014/0004263 ngày 06/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Định.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND cấp cao, VKSND cấp cao;
- TAND,VKSND,THADS Yên Định;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Lê Quốc Thành